

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2017/DSST

Ngày: 13-12-2017

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản mua bán và mua bán”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hoàng;
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 08/12 và ngày 13/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2017/TLST - DS ngày 05-4-2017, về vụ án *“Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản”* theo Thông báo mở phiên tòa số 11/2017/TB-TA ngày 24-11-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 35, Khóm 4, Phường 5, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Thị Trang Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 439, Đường Lê Văn Cử, Tổ 6, khóm Thuận An, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: số 592, tổ 77, Cách Mạng Tháng 8, phường 5, thành phố C, Đồng Tháp.

Người liên quan: Trịnh Công S, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 439, Đường Lê Văn Cử, Tổ 6, khóm Thuận An, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án, người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 15/11/2016, bà Lê Thị Trang Đ có vay của bà H số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận vay do bà Đ viết và ký tên. Theo đó, bà Đ và ông Trịnh Công S (chồng bà Đ) và bà H giao kết hợp đồng mua bán xe ô tô tại phòng công chứng chiếc mang biển số 66H-013.67, nhãn hiệu DAIHATSU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 0905622, số khung: S92P8701100, số chỗ ngồi: 03, giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng để thế chấp tài sản cho hợp đồng vay ngày 15/11/2016.

Mặt dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả lãi cho chị nhưng bà Đ cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Tại phiên hòa giải bà H yêu cầu bà Đ trả cho bà H số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng, đồng thời bà H đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng xe ô tô mang biển số 66H-013.67, nhãn hiệu DAIHATSU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 0905622, số khung: S92P8701100, số chỗ ngồi: 03 cho bà Đ.

Đối với chiếc xe thì hiện tại chị H đang gửi giữ tại bãi giữ xe tư nhân.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H đồng giao lại trả lại chiếc xe, làm thủ tục sang tên lại chiếc xe cho bà Đ và yêu cầu bà Đ trả lại số tiền 80.000.000 đồng.

- Bị đơn Lê Thị Trang Đ trình bày: trước đây bà có vay của bà H số tiền 80.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ và có thế chấp giấy tờ xe tải biển số 66H-013.67, nhãn hiệu DAIHATSU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 0905622, số khung: S92P8701100 cho bà Đ khi nào chị trả tiền thì bà H làm thủ tục sang tên qua cho bà H. Trong lúc chị đang sử dụng xe đi làm ăn thì bà H cho người đến lấy xe của bà cho đến nay.

Tại phiên hòa giải bà Lê Thị Trang Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà H, còn về phần chiếc xe đã giao cho bà H đang giữ gần 4 tháng nay nên đồng ý giao xe luôn để trừ số tiền đã vay là 80.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe thế chấp trước đây do chồng bà là Trịnh Công S đứng tên nhưng ông S đã ký hợp đồng chuyển nhượng xe xong nên giờ chiếc xe không còn là tài sản của ông S nữa.

- Người liên quan Trịnh Công S trình bày: Giữa ông S và bà Trang Đ là vợ chồng nhưng đã ly hôn và đã thỏa thuận chia tài sản xong. Phần chiếc xe đang tranh chấp đã thỏa thuận giao cho bà Đ sở hữu. Nay xảy ra tranh chấp anh không có ý kiến gì vì đó là tài sản của bà Đ. Còn việc Tòa án có xem xét giao chiếc xe cho ai ông cũng không có ý kiến gì.

- Về chứng cứ các bên giao nộp và Tòa án thu thập:

Về chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); Biên nhận nợ (photo); Hợp đồng mua bán xe ô tô.

- Bị đơn: Lê Thị Trang Đ không có chứng cứ để giao nộp.

Chứng cứ Tòa án thu thập:

+ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Ý kiến của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ và chấp hành tốt, không có kiến nghị. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, trong vụ án này, Tòa án chấp hành tốt về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

* Đối với hợp đồng vay: Bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền 80.000.000 đồng là phù hợp. Đối với tiền lãi bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H, buộc bà Đ trả bà H số tiền 80.000.000 đồng.

* Đối với hợp đồng mua bán xe: đề nghị Hội đồng xét xử hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà H và ông S, bà Đ. Bà H giao lại chiếc xe ô tô biển số 66H - 013.67 cho bà Đ. Bà H và bà Đ có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên chiếc xe theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu Lê Thị Trang Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu là 80.000.000 đồng là phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào lời trình bày của hai bên đều thừa nhận số tiền vay mượn giữa hai bên là 80.000.000 đồng. Số tiền này bị đơn Lê Thị Trang Đ cũng thừa nhận chưa có trả được cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Về phần lãi suất: Hai bên không có ý kiến hay yêu cầu điều chỉnh phần tiền lãi đã giao nhận nên xem đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp pháp luật nên không xem xét điều chỉnh lại lãi suất.

Đối với Hợp đồng mua bán xe (công chứng) 15/11/2016 giữa các bên thực chất đây chỉ là hình thức thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ vay giữa các

bên. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H đồng ý giao lại trả lại chiếc xe, làm thủ tục sang tên lại chiếc xe cho bà Đ, xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

- Đối với bị đơn Lê Thị Trang Đ cho rằng chiếc xe đã giao cho chị H giữ gần 4 tháng nay nên đồng ý giao xe luôn để trừ số tiền đã vay là 80.000.000 đồng, xét thấy trình bày của bà Đ là chưa phù hợp. Bởi vì, hai bên không thống nhất theo giá mà Hội đồng định giá chiếc xe, cũng không cung cấp được giá chiếc xe đã thế chấp là bao nhiêu. Mặt khác, phía bà H cũng không đồng ý nhận chiếc xe để trừ nợ. Đó đó, trình bày của bà Đ là chưa có cơ sở để chấp nhận, ngược lại bà phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng và nhận lại tài sản thế chấp là mới phù hợp.

Về phần lãi suất các bên không có yêu cầu lãi cũng không yêu cầu điều chỉnh lãi suất nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định: Bà H đã tạm ứng và chi xong là 500.000 đồng, do cả hai bên không thống nhất theo giá của Hội đồng định giá nên mỗi bên chịu ½ chi phí định giá. Theo đó bà H phải chịu 250.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá, bà Đ phải có nghĩa vụ nộp lại 250.000 đồng để trả lại cho bà H.

[5] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ Thi hành án theo qui định của pháp luật nên bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về phát biểu của Viên kiểm sát:

Tại phiên tòa Viện kiểm sát phát biểu việc chấp hành pháp luật, về tổ tụng và đường lối giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì án phí được tính như sau:

- Bà Lê Thị H phải chịu án phí do thực hiện nghĩa vụ giao trả xe là 300.000 đồng.

- Lê Thị Trang Đ phải chịu án phí do phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền là: 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị Trang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Hủy hợp đồng mua bán xe bán xe (công chứng) 15/11/2016 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao trả lại chiếc xe biển số 66H-013.67, nhãn hiệu DAIHATSU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 0905622, số khung: S92P8701100 cho bà Lê Thị Trang Đ. Bà Lê Thị Trang Đ có nghĩa vụ đăng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Mỗi bên chịu ½ tiền chi phí là 250.000 đồng, bà H đã tạm ứng chi xong nên bà Đ phải có nghĩa vụ nộp lại 250.000 đồng để trả lại cho bà H.

*** Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 08287 ngày 03-04-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, bà H được nhận lại số tiền 1.700.000 đồng.

- Bà Lê Thị Trang Đ phải nộp 4.000.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng